

Số :447 /BC-UBND

Sơn Thủy, ngày 25 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả sử dụng nhân lực, đầu tư trang thiết bị, hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã Sơn Thủy (kỳ báo cáo từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/6/2026)

Thực hiện Thông báo số 82/TB-ĐGS ngày 30/7/2026 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sử dụng nhân lực, đầu tư trang thiết bị, hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Loại hình đơn vị

Xã Sơn Thủy là xã miền núi, thuộc diện đặc biệt khó khăn, hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trước đây (Sơn Thủy cũ, Sơn Trung cũ, Sơn Hải cũ). Diện tích tự nhiên toàn xã là 95,77 km², dân số 12.832 người với 3.369 hộ.

2. Tình hình tổ chức bộ máy, đơn vị trực thuộc và Bộ phận Một cửa

Bộ máy Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, gồm các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công (thực hiện chức năng Bộ phận Một cửa), Trung tâm Cung ứng dịch vụ công, Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã, Trạm Y tế xã, các trường học trên địa bàn và Tổ công nghệ số cộng đồng. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã hiện được bố trí 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 03 công chức (trong đó 03 người làm việc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, 01 người kiêm nhiệm công nghệ thông tin). Tiếp tục duy trì hoạt động của 17 Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã.

3. Khối lượng thủ tục hành chính, hồ sơ, giao dịch trực tuyến và nhu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp

Báo cáo từ kỳ từ 01/7/2025 đến 30/6/2026, toàn xã có **417** thủ tục hành chính đang giải quyết, tiếp nhận **4.056** hồ sơ, trong đó **3.429** hồ sơ nộp trực tuyến (tỷ lệ **84,54%**), riêng hồ sơ trực tuyến toàn trình là **1.200** hồ sơ (tỷ lệ **29,59%**); tỷ lệ hồ sơ được số hóa đạt **100%**; số hồ sơ giải quyết đúng hạn là **4.015/4.056** hồ sơ (tỷ lệ **98,99%**); mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt **100%**.

4. Thuận lợi, khó khăn đặc thù ảnh hưởng đến chuyển đổi số

Là xã miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thực sự đồng bộ; nguồn kinh phí dành cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

còn hạn chế so với yêu cầu thực tế; kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi và người dân ở khu vực nông thôn, miền núi còn hạn chế.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quán triệt, triển khai

UBND xã đã tổ chức 01 hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức và Tổ công nghệ số cộng đồng; tổ chức 03 lớp tập huấn về sử dụng Hệ thống văn bản điều hành, chữ ký số và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ. Kết quả, **100%** cán bộ, công chức của xã đã được tiếp cận, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản. Phong trào Bình dân học vụ số thu hút **3.313** học viên đăng ký tham gia (gồm 229 cán bộ, công chức, viên chức và 3.084 người dân), đạt tỷ lệ **28,05%** dân số, xếp hạng thứ **24/96** xã trên toàn tỉnh (theo Báo cáo số 304/BC-UBND).

2. Ban hành kế hoạch và phân công nhiệm vụ

Đảng ủy, UBND xã đã ban hành 08 kế hoạch, văn bản chỉ đạo về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm: Kế hoạch số 14-KH/ĐU ngày 02/10/2025; Kế hoạch số 30-KH/ĐU ngày 10/01/2026; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 31/3/2026 về chuyển đổi số xã Sơn Thủy năm 2026; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 28/4/2026 về phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 31/5/2026 về hoạt động năm 2026 của Ban Chỉ đạo xã; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 14/4/2026; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 06/5/2026 về chuyển đổi số xã Sơn Thủy giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 22/8/2025 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính. Trên cơ sở đó, UBND xã đã phân công cơ quan chủ trì theo từng lĩnh vực: Trung tâm Phục vụ hành chính công chủ trì thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến; Công an xã chủ trì công dân số, Đề án 06; Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng kinh tế chủ trì kinh tế số, xã hội số; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã chủ trì hạ tầng số, an toàn thông tin, quản trị nội bộ; Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì công tác thông tin, tuyên truyền.

3. Phối hợp, hướng dẫn và hỗ trợ

Trên cơ sở văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, UBND xã đã kịp thời phối hợp, hướng ứng và triển khai Cổng Bình dân học vụ số; đồng thời phối hợp với Công an tỉnh triển khai cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền và hệ thống quản lý tập trung, bảo đảm 100% máy vi tính phục vụ công tác chuyên môn trên địa bàn được cài đặt và quản lý theo quy định.

4. Kiểm tra, theo dõi

UBND xã duy trì cơ chế theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên Hệ thống giám sát Nghị quyết số 57-NQ/TW của Trung ương; Trung tâm Phục vụ hành chính công theo dõi, đôn đốc xử lý hồ sơ, thực hiện chế độ báo cáo tuần, tháng, quý và đột xuất. Đến thời điểm báo cáo, xã đã hoàn thành **34/34** nhiệm vụ trên hệ thống theo dõi của Trung ương, không có nhiệm vụ quá hạn, tồn đọng thuộc phạm vi quản lý của UBND xã.

III. THỰC TRẠNG NHÂN LỰC, TRANG THIẾT BỊ, HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ CHUYÊN ĐỔI SỐ

1. Nhân lực chuyển đổi số

UBND xã Sơn Thủy được giao 01 biên chế, vị trí việc làm phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện còn thiếu 01 người so với vị trí được phê duyệt, chưa bố trí được biên chế chính thức đúng chuyên ngành (*nguyên nhân chủ yếu do lực lượng chuyên môn tại địa phương còn mỏng, chưa có công chức phụ trách đúng chuyên ngành khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin*); để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, xã đã bố trí 01 lao động hợp đồng có trình độ chuyên môn phù hợp thực hiện công tác này, đạt tỷ lệ tập huấn, bồi dưỡng **100%** (01/01 người).

2. Trang thiết bị, hạ tầng và cơ sở vật chất

Toàn xã hiện có **49** máy tính (mức độ đáp ứng **94,2%**, còn thiếu 03 chiếc so với nhu cầu) và **32** máy in (mức độ đáp ứng **88,9%**, còn thiếu 04 chiếc); riêng **08** máy quét tài liệu (scan), gồm 07 máy tốt và 01 máy hết khấu hao chờ thanh lý, mức độ đáp ứng **66,7%**, còn thiếu 04 chiếc so với nhu cầu. Hạ tầng mạng và truyền dẫn gồm 01 thiết bị mạng (switch/router/Wi-Fi, đang cần nâng cấp), 01 đường truyền Internet/mạng truyền số liệu chuyên dùng và 04 hệ thống mạng nội bộ (LAN), mức độ đáp ứng đạt 100% so với nhu cầu. Xã chưa được trang bị thiết bị lưu trữ dữ liệu (SAN/NAS), máy chủ vật lý, nền tảng điện toán đám mây/ảo hóa, hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) riêng; hiện có 01 thiết bị bảo mật (Firewall/IPS-IDS) đang cần nâng cấp để đáp ứng điều kiện làm hồ sơ an toàn thông tin cấp độ 2, còn lại sử dụng hạ tầng, nền tảng bảo mật dùng chung của UBND xã và của tỉnh. Nhóm thiết bị chuyên dụng khác gồm 02 bộ thiết bị phục vụ họp trực tuyến (đáp ứng 100%), 05 bộ trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa (đáp ứng 100%) và 04/07 bộ thiết bị phục vụ dịch vụ công trực tuyến (đáp ứng **57,1%**, còn thiếu 03 bộ, gồm máy POS thanh toán, máy đọc căn cước công dân gắn chip và máy photocopy).

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ phận Một cửa), đơn vị được trang bị 01 hệ thống Kiosk lấy số tự động (tích hợp màn hình, máy vi tính, máy in, đầu đọc mã QR, đầu đọc căn cước công dân gắn chip, camera, máy scan), 09 máy vi tính, 04 máy quét tài liệu, 01 hệ thống màn hình thông tin (màn hình số thứ tự 55 inch, màn hình chung 75 inch và 06 màn hình LED tại quầy), 01 hệ thống âm thanh và 01 phần mềm điều khiển trung tâm, gọi số; hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm đã hoàn thành 16/16 tiêu chí (đạt tỷ lệ 100%).

Tổng nguyên giá tài sản công nghệ thông tin toàn xã ghi nhận được gồm: máy tính 627.360.000 đồng, máy in 135.890.000 đồng, máy quét tài liệu 67.000.000 đồng, Kiosk lấy số tự động 159.874.000 đồng, hệ thống màn hình thông tin tại Trung tâm Phục vụ hành chính công 124.630.000 đồng, màn hình LED do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã bố trí 352.055.000 đồng và hệ thống âm thanh phòng họp 65.020.000 đồng (gồm 50.000.000 đồng tại Văn phòng và 15.020.000 đồng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công).

3. Tiếp nhận, bàn giao và quản lý tài sản sau sắp xếp

Về nhân lực đội ngũ cán bộ, công chức của các xã trước đây đã được bố trí, sắp xếp lại theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; trong năm 2025, xã đã bố trí 01 lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số do chưa có công chức đúng chuyên ngành đảm nhận. Về tài sản, thiết bị, đường truyền, phần mềm, tài khoản, hồ sơ và dữ liệu tiếp nhận, bàn giao khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính.

4. Công tác đầu tư, mua sắm, tiếp nhận và sử dụng trang thiết bị

Trong kỳ báo cáo các đơn vị đã thực hiện **08** gói mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc với tổng giá trị hợp đồng 1.655.670.000 đồng, cụ thể: Phòng Kinh tế 185.670.000 đồng (Quyết định số 161/QĐ-KT ngày 14/7/2026, giải ngân đạt 100%); Phòng Văn hóa - Xã hội 124.000.000 đồng (Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 19/5/2026, giải ngân 100%); Trung tâm Cung ứng dịch vụ công 56.000.000 đồng (Quyết định số 16/QĐ-TTCUDVC ngày 11/6/2026, giải ngân 100%); Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã thực hiện 04 gói với tổng giá trị hợp đồng 790.000.000 đồng, đã giải ngân 787.055.000 đồng (đạt tỷ lệ 99,63%); Trung tâm Phục vụ hành chính công thực hiện 01 gói mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin trị giá 500.000.000 đồng theo Quyết định số 597a/QĐ-UBND của UBND xã, thực hiện trong năm 2025, đã giải ngân, nghiệm thu và đưa vào sử dụng, đạt tỷ lệ 100%.

5. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí

Tổng dự toán kinh phí đầu tư phục vụ chuyển đổi số được giao trong kỳ (mục mua sắm thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, cộng dồn 05 đơn vị) là 1.656.000.000 đồng, đã phân bổ 1.656.000.000 đồng, đã giải ngân 1.652.725.000 đồng, đạt tỷ lệ **99,80%** dự toán được giao; kinh phí bị hủy (do chênh lệch giữa dự toán và giá trị hợp đồng thực tế) là 3.275.000 đồng; toàn bộ kinh phí đã giải ngân nêu trên đã được quyết toán 966.629.000 đồng.

6. Hệ thống thông tin, tài khoản và dữ liệu

UBND xã Sơn Thủy đang khai thác, sử dụng 12 hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số, gồm nhóm dùng chung của tỉnh (Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành - iOffice, Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành Ủy ban nhân dân tỉnh, Trang thông tin điện tử xã, Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia) và nhóm chuyên ngành (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư - VNeID/VDC06, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, Cơ sở dữ liệu bảo hiểm xã hội - VssID, Cổng giải quyết thủ tục hành chính của các Bộ, ngành, Dữ liệu hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính); các hệ thống đã hoàn thiện, kết nối một phần hoặc kết nối trực tiếp với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP/NDXP), bảo đảm an toàn thông tin. Theo Phụ lục 09, phụ lục về kết nối, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin và sự cố không có số liệu báo cáo trong kỳ. 100% máy vi tính chuyên môn được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền, quản lý tập trung do Công an tỉnh cung cấp.

7. Dịch vụ công trực tuyến và hoạt động Bộ phận Một cửa

Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận **4.056** hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến (gồm toàn trình và một phần) đạt **84,54%**, riêng trực tuyến toàn trình đạt **29,59%**; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt **100%**; tỷ lệ hồ sơ khai thác lại dữ liệu đạt **89,99%**; tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt **98,99%**; mức độ hài lòng đạt **100%**.

8. Tổ công nghệ số cộng đồng và phổ cập kỹ năng số

Xã Sơn Thủy duy trì hoạt động của 17 Tổ công nghệ số cộng đồng¹, tích cực hướng dẫn người dân kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 và các tiện ích số cơ bản. Khó khăn hiện nay là các Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động kiêm nhiệm, chưa được đầu tư thiết bị, hạ tầng riêng để thực hiện nhiệm vụ.

(Số liệu chi tiết được thể hiện tại các Phụ lục 01 đến 12 kèm theo báo cáo này).

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm, kết quả đạt được

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai có trọng tâm: đã ban hành 08 kế hoạch, văn bản chỉ đạo và duy trì cơ chế họp định kỳ Ban Chỉ đạo; kết quả chấm điểm KPI thực hiện chuyển đổi số đạt **93/100** điểm; 100% cán bộ, công chức đã được tiếp cận, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản. Hạ tầng kỹ thuật tại Bộ phận Một cửa cơ bản hoàn thiện, đạt 16/16 tiêu chí (100%); tỷ lệ giải ngân kinh phí đầu tư trang thiết bị đạt **99,80%**. Phong trào Bình dân học vụ số đạt kết quả tích cực với 3.313 học viên tham gia, đạt tỷ lệ 28,05% dân số, xếp hạng thứ 24/96 xã trên toàn tỉnh. Việc theo dõi, giám sát tiến độ nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW được thực hiện nghiêm túc, hoàn thành 34/34 nhiệm vụ trên hệ thống của Trung ương, không có nhiệm vụ quá hạn, tồn đọng. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ khá, với 84,54% hồ sơ trực tuyến, 100% hồ sơ được số hóa và 98,99% hồ sơ giải quyết đúng hạn.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn thiếu, xã mới bố trí được 01 lao động hợp đồng, chưa có công chức đúng chuyên ngành theo vị trí việc làm được phê duyệt. Một số nhóm thiết bị chưa đáp ứng đủ nhu cầu: máy quét tài liệu đáp ứng 66,7%, thiết bị phục vụ dịch vụ công trực tuyến đáp ứng 57,1%; xã chưa được trang bị thiết bị lưu trữ dữ liệu (SAN/NAS), máy chủ vật lý, nền tảng điện toán đám mây, hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) riêng mà còn phụ thuộc hạ tầng dùng chung. Các Tổ công nghệ số cộng đồng chưa được đầu tư thiết bị, hạ tầng riêng để thực hiện nhiệm vụ.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Xã Sơn Thủy là xã miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, khả năng cân đối ngân sách địa phương còn hạn chế nên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu

¹ Đã tổ chức 01 lớp tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã.

đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin; một số hệ thống, nền tảng số dùng chung được triển khai trên phạm vi rộng, số lượng người dùng lớn nên đôi khi phát sinh quá tải, lỗi kỹ thuật ngoài khả năng xử lý của cấp xã.

b) Nguyên nhân chủ quan

Địa phương chưa bố trí được công chức chuyên trách đúng chuyên ngành công nghệ thông tin; một số nội dung liên quan tài sản, dữ liệu sau sắp xếp đơn vị hành chính và kinh phí thường xuyên chưa được các đơn vị chuyên môn chủ động tổng hợp, báo cáo kịp thời.

4. Trách nhiệm và kế hoạch khắc phục

UBND xã giao Phòng Văn hoá – Xã hội chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công, Phòng Kinh tế, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công và các đơn vị liên quan rà soát, khắc phục các hạn chế nêu trên, gắn với nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tại Mục V báo cáo này.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã chủ trì, phối hợp các phòng, trung tâm liên quan kiện toàn phân công đầu mối, duy trì cơ chế họp định kỳ Ban Chỉ đạo xã về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị; thực hiện thường xuyên.

- Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung công chức chuyên trách đúng chuyên ngành công nghệ thông tin cho vị trí việc làm đã được phê duyệt; tiếp tục tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức và Bộ phận Một cửa, phấn đấu duy trì tỷ lệ tập huấn đạt 100%.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế đề xuất sửa chữa, nâng cấp, mua sắm bổ sung trang thiết bị còn thiếu theo Phụ lục 04, 05, trọng tâm là máy quét tài liệu, máy POS thanh toán, máy đọc căn cước công dân gắn chip, máy photocopy phục vụ Bộ phận Một cửa, bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách cấp trên phân bổ.

- Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, phấn đấu nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã chủ trì bảo đảm an toàn thông tin nội bộ; Công an xã chủ trì bảo đảm an ninh mạng, phối hợp xử lý khi phát sinh sự cố.

- Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp Trưởng các thôn cùng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; tăng cường hỗ trợ người

dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ số, kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID.

- Các phòng, trung tâm, đơn vị thuộc UBND xã định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp nêu trên về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND xã (đối với nội dung chuyên đề chuyển đổi số).

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với các cơ quan Trung ương

Đề nghị các cơ quan Trung ương tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở.

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin cho cấp xã, nhất là các xã miền núi, đặc biệt khó khăn; tiếp tục chỉ đạo nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu; nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường.

3. Đối với Công an tỉnh và các sở, ngành, cơ quan có liên quan

Đề nghị Công an tỉnh tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ về Đề án 06, định danh điện tử VNeID và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng cho cấp xã; các sở, ngành chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật để tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, dữ liệu và nhân lực.

Trên đây là báo cáo kết quả sử dụng nhân lực, đầu tư trang thiết bị, hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã Sơn Thủy theo Thông báo số 82/TB-ĐGS ngày 30/7/2026 của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh.

UBND xã Sơn Thủy kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát HĐND tỉnh (để b/c);
- Sở khoa học và Công nghệ (để b/c);
- TT: Đảng ủy, HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Phúc